

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BG  
TỈNH BG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **40/2022/HNGĐ-ST**

Ngày 01/8/2022

V/v “Ly hôn, tranh về chấp nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Hằng

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Môn và bà Nguyễn Thị Lan

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố BG

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố BG tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thị Huệ - Kiểm sát viên

Ngày 01 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố BG tỉnh BG mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 158/2022/TLST-HNGĐ ngày 23/5/2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/7/2022 giữa các đương sự:

***\*Nguyên đơn:*** Chị Hoàng Thị M, sinh năm 1995 (*có đơn xin vắng mặt*)

HKTT: Thôn Nguận, xã DT, thành phố BG, tỉnh BG

Địa chỉ: Thôn Quyết Chiến, xã LH, huyện YD, tỉnh BG

***\*Bị đơn:*** Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1992 (*vắng mặt*)

Địa chỉ: Thôn Nguận, xã DT, thành phố BG, tỉnh BG

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/5/2022, bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là chị Hoàng Thị M trình bày:* Chị và anh Nguyễn Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã DT vào ngày 02/12/2014, được gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn chị về sinh sống cùng gia đình chồng ở thôn Nguận, xã DT. Thời gian đầu kết hôn, vợ chồng chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do quan điểm sống không phù hợp, bất đồng trong cách nuôi dạy con và một phần cũng do vợ chồng chị chung sống với bố mẹ chồng nhưng không hòa hợp trong khi đó anh Đ lại không chia sẻ, động viên vợ. Vợ chồng chị thường xuyên cãi vã, không thể tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, xác định không thể tiếp tục chung sống nên chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 02/2022, vợ chồng chị cũng ly thân từ đó đến nay. Hiện tại, chị xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh Đ, cuộc sống hôn

nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ để giải phóng cho cả hai bên.

Về con chung, chị và anh Đ có hai con chung là Nguyễn Minh P, sinh ngày 22/9/2015 và Nguyễn Minh L, sinh ngày 16/3/2018. Các con chung đều đang ở cùng anh Đ và ông bà nội. Khi ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao cháu Nguyễn Minh L cho chị nuôi dưỡng và giao cháu Nguyễn Minh P cho anh Đ nuôi dưỡng. Chị làm công nhân may tại Công ty NG, thu nhập ổn định, bình quân khoảng 7.500.000 đồng/tháng, đảm bảo điều kiện kinh tế để nuôi dạy con cái nên chị không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện tại chị đang ở cùng bố mẹ đẻ, điều kiện kinh tế và chỗ ở của bố mẹ chị ổn định lại luôn giúp đỡ chị trong việc nuôi dạy và chăm sóc con.

Về tài sản chung và công nợ chung: chị xác định vợ chồng chị không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tài liệu chứng cứ thu thập được:*

Tại biên bản xác minh ngày 14/6/2022, bà Nguyễn Thị T là mẹ đẻ của anh Đ cung cấp: Anh Đ và chị M được kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã DT vào năm 2014. Sau khi kết hôn vợ chồng anh Đ sống cùng bà. Quá trình chung sống vợ chồng chị M không có mâu thuẫn gì, anh Đ chỉ biết đi làm kiếm tiền nuôi gia đình, vợ con. Từ ngày 20/02/2022, chị M tự ý bỏ về nhà mẹ đẻ ở, bỏ mặc con cái cho bà chăm sóc, nuôi dưỡng, không quan tâm gì đến hai con trong khi các cháu đang ốm do bị Covid. Đến 30/4/2022, chị M mới quay về đón con còn từ trước đó không hề hỏi han gì đến con. Khi gia đình bà có việc, bà gọi điện cho chị M và gia đình chị M về tham dự nhưng cả chị M và gia đình chị M không ai đến cũng không thông tin gì lại cho bà. Bà vẫn tạo điều kiện cho chị M thăm gặp con chứ không hề ngăn cấm, khó dễ gì. Vợ chồng chị M có hai con chung là Nguyễn Minh P, và Nguyễn Minh L, các cháu đều đang ở cùng anh Đ và bà. Việc chị M yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn và giải quyết về con chung, bà không có ý kiến gì và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Do công việc của anh Đ khá bận, thường đi từ sáng đến tối muộn mới về nên các văn bản giấy tờ Tòa án giao cho bà nhận thay, bà đều đã giao lại cho anh Đ ngay.

Tại biên bản xác minh ngày 21/6/2022, đại diện chính quyền địa phương nơi anh Đ cư trú cung cấp: Anh Đ và chị M là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại UBND xã DT và tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Quá trình chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nhưng nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể là gì thì địa phương không nắm được chỉ thấy bà T là mẹ anh Đ nói vợ chồng anh Đ xảy ra mâu thuẫn và chị M đã bỏ về nhà mẹ đẻ sống từ đầu năm 2022 đến nay. Hiện tại, anh Đ đang ở cùng hai con và mẹ đẻ. Anh Đ làm thợ điện nước, thường đi từ sáng đến tối mới về, ít khi ở nhà vào ban ngày nên con cái thường do mẹ đẻ anh Đ là bà T hỗ trợ chăm sóc, thu nhập chính xác của anh

Đ là bao nhiêu địa phương không nắm được nhưng thường ở địa phương thợ như anh Đ sẽ có thu nhập ổn định khoảng 5.000.000đồng đến 6.000.000đồng/tháng.

Đối với anh Nguyễn Văn Đ, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã giao thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ yêu cầu anh Đ trình bày quan điểm của anh về yêu cầu ly hôn và giải quyết về con chung của chị M cùng các thông báo về việc thu thập được tài liệu chứng cứ cho anh Đ. Tuy nhiên, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, anh Đ không đến Tòa án để làm việc cũng không có văn bản trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của chị M.

Tòa án đã mở phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Đ vắng mặt lần thứ nhất không có lý do. Chị M có đơn đề nghị Tòa án không hòa giải, do vậy Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đã giao thông báo kết quả phiên họp cho anh Đ nhưng đến nay anh Đ vẫn không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án.

Ngày 15/7/2022, Tòa án mở phiên tòa, anh Đ là bị đơn vắng mặt lần thứ nhất không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa và ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào hồi 08 giờ ngày 01/8/2022.

Tại phiên tòa hôm nay, chị M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm như đã trình bày. Anh Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

*Dại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố BG phát biểu:* Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và xử cho chị Hoàng Thị M được ly hôn anh Nguyễn Văn Đ; giao con chung Nguyễn Minh L, sinh ngày 16/3/2018 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng và giao con chung Nguyễn Minh P, sinh ngày 22/9/2015 cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng; về cấp dưỡng nuôi con chung, về tài sản chung, công nợ chung do các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét; chị M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Kiến nghị, khắc phục vi phạm: không có.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Đ là bị đơn cư trú trên địa bàn thành phố BG nên Tòa án nhân dân thành phố BG thụ lý, giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt Bị đơn đã được triệu

tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vụ án.

[2] Về mối quan hệ hôn nhân: Chị M và anh Đ kết hôn tự nguyện, có đủ điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 02/12/2014 và được UBND xã DT cấp giấy chứng nhận kết hôn nên đủ căn cứ xác định đây là hôn nhân hợp pháp đúng với quy định tại Điều 8, 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quá trình chung sống của vợ chồng: Chị M cho rằng vợ chồng mâu thuẫn từ năm 2019, nguyên nhân là do quan điểm sống không phù hợp, bất đồng nhau trong cách nuôi dạy con và một phần do trong cuộc sống chung với mẹ chồng, chị không hòa hợp được với gia đình nhà chồng, chồng chị không hiểu cũng không chia sẻ hay động viên chị. Chị đã về nhà mẹ đẻ ở từ tháng 02/2022 không còn sống chung với anh Đ nữa. Chị M xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Đ. Còn anh Đ dù đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhiều lần, đã biết về việc chị M yêu cầu ly hôn với anh nhưng anh không đến Tòa án làm việc, cũng không có văn bản thể hiện quan điểm của mình. Mặt khác, chị M có đơn đề nghị Tòa án không hòa giải và xin được vắng mặt trong các phiên xét xử của Tòa án do xác định vợ chồng chị không thể hòa giải hay hàn gắn được và chị cũng không muốn gặp lại anh Đ. Điều đó, chứng tỏ cả anh Đ và chị M đều không còn tha thiết níu giữ quan hệ hôn nhân với nhau nữa. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị M và anh Đ đã trầm trọng, đời sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hòa giải đoàn tụ gia đình. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị M là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị M và anh Đ có hai con chung là Nguyễn Minh P, sinh ngày 22/9/2015 và Nguyễn Minh L, sinh ngày 16/3/2018. Các con chung đều đang ở cùng anh Đ và mẹ đẻ anh Đ. Khi ly hôn, chị M có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Minh L còn cháu Nguyễn Minh P đã lớn hơn nên chị muốn để cháu tiếp tục ở với bố là anh Đ. Xét về điều kiện nuôi con của chị M và anh Đ thì cả hai đều có chỗ ở và thu nhập ổn định, đều đảm bảo được điều kiện nuôi dưỡng các con. Đối với yêu cầu của chị M về việc đề nghị được nuôi cháu L, Hội đồng xét xử thấy: cháu L còn nhỏ nên sự chăm sóc tỷ mỉ, chu đáo của người mẹ trong giai đoạn này là phù hợp cho sự phát triển của con chung. Còn cháu Phúc hiện đã đi học tiểu học và đang ở ổn định với bố cùng bà nội, việc để cháu Phúc tiếp tục ở với bố là phù hợp, đảm bảo cho sự ổn định trong sinh hoạt cũng như học tập và phát triển tâm sinh lý của cháu. Do vậy, Hội đồng xét xử giao con chung Nguyễn Minh L cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng và giao con chung Nguyễn Minh P cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Do các đương sự không ai yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi dưỡng con chung đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn, không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của người con nên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc buộc bên không nuôi con phải có nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con nếu sau này các đương sự có yêu cầu là phù hợp theo quy định tại các điều 82, 83 và 85 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị M xác định vợ chồng không có tài sản chung và công nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Chị Hoàng Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

**1.** Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 85 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 238; Điều 271; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **2. Xử:**

**2.1. Về quan hệ hôn nhân:** Chị Hoàng Thị M được ly hôn anh Nguyễn Văn Đ.

**2.2. Về con chung:** Giao cho chị Hoàng Thị M trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Minh L, sinh ngày 16/3/2018. Giao cho anh Nguyễn Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Minh P, sinh ngày 22/9/2015.

Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị M không yêu cầu. Cha mẹ không trực tiếp nuôi dưỡng con chung đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở.

**2.3. Về án phí:** Chị Hoàng Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị M đã nộp theo biên lai số 0001546 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố BG ngày 20/5/2022.

**2.4. Quyền kháng cáo:** Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm

yết bản án theo quy định của pháp luật. Thời hạn kháng nghị đối với bản án của Viện kiểm sát cùng cấp là 15 ngày, của Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp là 01 tháng, kể từ ngày tuyên án.

**3.** Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh BG;
- VKSND tỉnh BG;
- VKSND thành phố BG;
- CCTHADS thành phố BG;
- UBND xã DT, thành phố BG;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Thu Hằng**